

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS - ST  
Ngày: 19 - 8 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Hồng Thắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Chung Kim Sang
2. Bà Trần Lệ Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) K**

Trụ sở: đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng giám đốc ngân hàng TMCP K.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Lê Thụy Thủy T – Chức vụ: Quyền Giám đốc ngân hàng TMCP K – chi nhánh Rạch Giá. (Theo Giấy uỷ quyền số 75/UQ-NHKL ngày 17/01/2022)

*Người nhận uỷ quyền lại:* **Ông Huỳnh Quang Minh V**, sinh năm 1982 – Chức vụ: Phó phòng khách hàng cá nhân ngân hàng TMCP K – chi nhánh Rạch Giá. (Theo Giấy uỷ quyền số 42/UQ-CNRRG ngày 13/4/2021). (có mặt)

**2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trí Dũng, sinh năm 1979 (vắng mặt)**

**Bà Trịnh Thị Thu T, sinh năm 1981 (vắng mặt)**

Cùng địa chỉ: đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/04/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP K trình bày:**

Vợ chồng ông Nguyễn Trí D và bà Trịnh Thị Thu T có đến ngân hàng TMCP K – chi nhánh Rạch Giá vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 0282/16/HĐHM/1000-0031 ngày 24/02/2016 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 2184/19/HĐTD/1000-0832 ngày 12/09/2019. Cụ thể như sau: Số tiền vay: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); mục đích: Bổ sung vốn mua bán tạp hóa; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 14/09/2019, ngày đến hạn: 14/09/2020. Lãi suất cho vay: 13,6%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng, loại lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 3,8%/năm. Lãi suất vay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng (cùng loại hình và phương thức cho vay). Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất lãi chậm trả: 10%/năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Hình thức thanh toán: trả lãi 01 tháng/lần; trả gốc cuối kỳ.

Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng và Hợp đồng tín dụng từng lần nêu trên được bảo đảm bởi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0282/16/HĐTC-BDS/1000-0031 ngày 24/02/2016 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông D, bà T và đã được Văn phòng công chứng Kiên Giang chứng nhận ngày 25/02/2016, tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm: Quyền sử dụng đất ở (diện tích 93.14 m<sup>2</sup>) và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; thuộc thửa đất số 85; tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 5301050461 (số vào sổ cấp GCN:1467) do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/07/1998, đã chứng chuyển sang tên ông Nguyễn Trí D ngày 23/12/2014. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Rạch Giá ngày 25/02/2016.

Trong quá trình vay vốn, ông D và bà T chỉ thanh toán cho Ngân hàng được số tiền lãi đến ngày 01/12/2020 là 17.994.608 đồng. Khi đến hạn thanh toán nợ, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông bà cũng đã nhiều lần cam kết

nhưng không thực hiện đúng cam kết và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng ông bà vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng theo như thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng ông D, bà T trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/8/2022 là 134.472.877 đồng, trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 34.472.877 đồng; đồng thời phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 20/8/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt điểm hợp đồng. Trường hợp vợ chồng ông D, bà T không trả được nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

*Tại phiên tòa*, ông Huỳnh Quang Minh V - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện như trên.

**Bị đơn ông Nguyễn Trí D và bà Trịnh Thị Thu T:** Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 299, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền vay gốc 100.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 19/8/2022 là 34.472.877 đồng, tổng cộng 134.472.877 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 20/8/2022 đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng; đồng thời yêu cầu

phát mãi tài sản thế chấp khi bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngân hàng thương mại cổ phần K tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Trí D và bà Trịnh Thị Thu T, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông D và bà T là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông D, bà T như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; bị đơn ông D, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông D và bà T.

**[2] Về nghĩa vụ chứng minh của bị đơn:** Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bị đơn ông D và bà T không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản vay nguyên đơn yêu cầu trả hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, ông D và bà T đã không tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và phải chịu hậu quả về việc không

chứng minh được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**[3] Về Hợp đồng tín dụng:**

Giữa ngân hàng TMCP K - chi nhánh Rạch Giá và vợ chồng ông Nguyễn Trí D, bà Trịnh Thị Thu T đã ký kết Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 0282/16/HĐHM/1000-0031 ngày 24/02/2016; trên cơ sở đó hai bên đã giao kết Hợp đồng tín dụng từng lần số 2184/19/HĐTD/1000-0832 ngày 12/09/2019 với số tiền vay: 100.000.000 đồng; với mục đích bổ sung vốn mua bán tạp hóa. Ngày 14/09/2019 ông D, bà T đã ký Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng; ngày đến hạn là ngày 14/09/2020; lãi suất cho vay 13,6%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần; trả lãi hàng tháng; trả nợ gốc cuối kỳ; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất lãi chậm trả 10%/năm.

Xét thấy hợp đồng tín dụng nêu trên đã được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định, nội dung thỏa thuận không trái quy định pháp luật; do đó, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng nêu trên giữa ngân hàng TMCP K - chi nhánh Rạch Giá và ông D, bà T là hợp pháp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 01/12/2020 ông D, bà T chỉ trả được tổng số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 17.994.608 đồng, chưa thanh toán nợ gốc cho ngân hàng. Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 6 của hợp đồng hạn mức cấp tín dụng và Điều 7 của Hợp đồng tín dụng từng lần mà hai bên giao kết; cụ thể là vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc đến hạn và nợ lãi quá hạn từ sau ngày 01/12/2020 cho đến nay.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và căn cứ vào hợp đồng tín dụng hai bên đã giao kết; xét thấy buộc vợ chồng ông D, bà T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ vay gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn cho ngân hàng là đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số nợ vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/8/2022, bao gồm các khoản: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 34.472.877 đồng; tổng cộng gốc và lãi: 134.472.877 đồng; đồng thời buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh

trên hợp đồng tín dụng từ ngày 20/8/2022 cho đến khi thanh toán dứt điểm hợp đồng.

**[4] Về hợp đồng thế chấp và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:**

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên ngân hàng đã ký kết với bên thế chấp là vợ chồng ông D, bà T Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0282/16/HĐTC-BDS/1000-0031 ngày 24/02/2016 đã được Văn phòng công chứng Kiên Giang chứng nhận ngày 25/02/2016, tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm: Quyền sử dụng đất ở (diện tích 93.14 m<sup>2</sup>) và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; thuộc thửa đất số 85; tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 5301050461 (số vào sổ cấp GCN:1467) do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/07/1998, đã chứng chuyển sang tên ông Nguyễn Trí D ngày 23/12/2014. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Rạch Giá ngày 25/02/2016.

Xét thấy tài sản thế chấp nêu trên là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông D, bà T; việc bên thế chấp là ông D, bà T ký kết hợp đồng thế chấp nêu trên với ngân hàng để đảm bảo nợ vay được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên hợp đồng thế chấp nêu trên là hợp pháp.

Do đó căn cứ vào các Điều 292, 299, 317, 318, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp của vợ chồng ông D, bà T để thu hồi nợ trong trường hợp ông D, bà T không trả hoặc trả không dứt nợ là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[5]** Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông D, bà T có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng TMCP K số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 19/8/2022 là 134.472.877 đồng; đồng thời ông D, bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 20/8/2022 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay; ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng trong trường hợp ông D, bà T không trả hoặc trả không dứt nợ cho ngân hàng.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bị đơn ông D, bà T phải chịu án phí trên số tiền bị buộc trả 134.472.877 đồng, án phí được xác định là 6.723.643 đồng.

Nguyên đơn ngân hàng TMCP K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.665.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001813 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 292, 299, 317, 318, khoản 7 Điều 323, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Trí D và bà Trịnh Thị Thu T.

2. Buộc ông Nguyễn Trí D và bà Trịnh Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền vay tạm tính đến ngày 19/8/2022 gồm nợ gốc: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); nợ lãi quá hạn 34.472.877 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng); tổng cộng gốc và lãi là 134.472.877 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng) và tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/8/2022 đến khi trả hết nợ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Trí D và bà Trịnh Thị Thu T không thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng thì ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0282/16/HĐTC-BDS/1000-0031 ngày

24/02/2016, tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất ở (diện tích 93.14 m<sup>2</sup>) và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; thuộc thửa đất số 85; tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 5301050461 (số vào sổ cấp GCN:1467) do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/07/1998, đã chứng chuyển sang tên ông Nguyễn Trí D ngày 23/12/2014.

**3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

Buộc ông Nguyễn Trí D và bà Trịnh Thị Thu T phải chịu án phí là 6.723.643 đồng (sáu triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.665.000 đồng (hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001813 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**4. Quyền kháng cáo:** Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Rạch Giá;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Rạch Giá;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Hoàng Hồng Thắm**